

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT
Ngày: 07/12/2022
V/v “Tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân
tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà
Luyện Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLPT-DS ngày
12/10/2022 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Hòa An bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2022/QĐ-PT ngày
25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Bế Hồng A**, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Phố K, xã I, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Hà,
Luật sư hoạt động tại Văn phòng Luật sư Đinh Thị Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh
Cao Bằng. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông **Bế Nhật B**, sinh năm 1965; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông: Bế Nhật C – Sinh năm 1992;
Có mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm 1 H, xã I, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- ***Người làm chứng:***

+ Bà Bế Thị D, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Phố B, xã I, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Bà Bé Thị E, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Xóm 2 H, xã I, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Trường G, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Xóm 1 H, xã I, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Ông Bé Nhật Hoan, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Phố K, xã I, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bé Nhật B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà có một thửa đất tại xóm 1 H, xã I là thửa 144, tờ Bản đồ số 01690-31, nguồn gốc thửa đất do ông Bé Nhật Phùng để lại cho bố của bà là Bé Nhật Vương, sau khi ông Vương chết, mẹ đẻ của bà tặng cho bà và bà A đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2020. Phần đất này bà sử dụng để trồng cây ăn quả, không xây dựng gì. Vào khoảng thời gian từ ngày 10 tháng 01 đến ngày 16 tháng 01 năm 2022, ông Bé Nhật B thuê máy xúc đến khu vườn nhà ông B mức cây tre và san đất của nhà ông B. Sau khi san đất nhà ông B xong, máy xúc mức vào đất của gia đình bà A sát đó. Bà A đã có ý kiến đề nghị ông B và vợ ông B không được lấn sang đất của gia đình bà A. Nhưng gia đình ông B vẫn cố ý đào các cọc bê tông trước đây đã đóng làm ranh giới giữa hai thửa đất của gia đình bà A và gia đình ông B, lấn sang đất của bà A, đoạn phía cổng đường lên nhà bà A. Sau đó, gia đình bà A đã nhiều lần nhắc nhở và hai bên đã thống nhất cùng nhau căng dây lại để đánh dấu phần ranh giới của hai bên là kéo thẳng từ cột bê tông góc vườn phía trong nhà ông B kéo thẳng ra đến đường. Tuy nhiên, sau khi bà A và ông B căng dây xong bà Nông Thị Hoa vợ ông B lại lên nhổ cọc đã cắm và vứt bỏ dây mà bà A và ông B đã căng. Cố tình đào hố, chôn cọc tre và rào lưới sắt B40 vượt sang phần đất của gia đình bà A. Hai khu vườn giáp ranh nhau đã có cột bê tông được anh trai của bố bà A chôn làm ranh giới đất giữa hai bên gia đình từ năm 2019. Khi anh trai bố bà A cắm cọc bê tông gia đình ông B cũng nhất trí, không có ý kiến gì. Khi gia đình ông B dùng máy san gạt đã đào các cọc bê tông, vượt quá vị trí bà A và ông B đã thống nhất, lấn chiếm đất của gia đình bà A chiều dài khoảng 23m, chiều ngang sát đường lên nhà bà A khoảng 2m, phía bên trong là 0,5m. Ông B còn tự ý chặt một cây xoan của nhà bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc lại ranh giới đất thửa 144, tờ bản đồ số 01690-31 của gia đình bà A và thửa đất của gia đình ông Bé Nhật B

để hai bên sử dụng đúng thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Bé Nhật B trình bày:

Ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 145^A, tờ bản đồ số 296-d-I có diện tích 1.870m², trong đó 400m² đất ở, 1.470m² đất vườn ngày 19/12/1999. Từ năm 1993, ông B đã được thỏa thuận ranh giới hai thửa đất 145^A và 144 với gia đình ông Bé Nhật Hoan, khi thỏa thuận có mặt ông Bé Nhật Bánh là ông nội và ông Bé Nhật Hoan là bác ruột bà Bé Hồng A, ông Bé Nhật Thùy, anh trai ông Bé Nhật B. Sau khi thỏa thuận ông B vẫn sử dụng đúng diện tích từ cột bê tông trở xuống nhà ông, nằm trong thửa đất của ông B, đến năm 2022 bà Bé Hồng A làm đơn khiếu nại tranh chấp ranh giới với đất ông B. Thực tế, đất của ông B hoàn toàn không liên quan đến đất của bà Bé Hồng A. Đất của ông B thỏa thuận với ông Bé Nhật Hoan, không mua bán, tranh chấp với bà A. Ông khẳng định ông sử dụng đúng diện tích ông đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, các cột bê tông là ranh giới giữa các thửa đất hiện nay vẫn giữ nguyên, theo hình vòng cung xuống phía đất nhà ông B nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất đang tranh chấp. Việc bà A trình bày được cùng ông B giăng dây để xác định lại ranh giới thửa đất là không có.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người làm chứng trình bày:

Bà Bé Thị D là chị gái của ông Bé Nhật Vương- bố của bà Bé Hồng A. Từ khi còn nhỏ bà D đã được chứng kiến việc bố của bà mua thửa đất với bố ông B, sau đó bố của bà để lại cho con trai là ông Vương, khi ông Vương chết, vợ của ông Vương đã giao cho bà A quản lý, sử dụng. Ranh giới giữa đất của gia đình bà và bố của ông B từ thời Hợp tác xã mẹ bà D rào bờ rào, bà D trồng cây mít xuống sát bờ rào, bờ rào có cây mắc bát to nhưng khi mẹ ông B còn sống đã chặt bỏ, hiện nay gốc cây Mắc bát đã bị ông B mức đi, chỉ còn lại gốc tre ngoài cùng nhưng ông B cũng đã mức đi một phần. Bà D xuống chơi thấy nhà ông B ủi san lên bụi mai ngày trước mẹ bà trồng, ông B không sử dụng đúng phần đất của ông B mà đã lấn lên đất của gia đình bà. Khi bố bà mua đất với bố ông B, ông B chưa sinh. Khi hai bên chuyển nhượng đã có ranh giới rõ ràng từ gốc cây mít bố bà mua với bố ông B kéo thẳng ra cây Mắc bát tự mọc, sau đó kéo thẳng ra gốc cây tre của gia đình ông B. Hiện nay cây Mắc bát đã không còn nhưng ba cây mít và cây tre vẫn còn gốc để xác định ranh giới giữa hai thửa đất.

Bà Bé Thị E là chị gái của ông Bé Nhật Vương, bố đẻ của bà Bé Hồng A. Lúc bà đang học cấp 1 ông Bé Nhật Bánh và ông Bé Nhật Ấn bán đất cho nhau, ranh giới giữa hai bên có 03 cây mít, 01 cây nằm trên đất của ông Bánh đã mua, 01 cây ở phía trong đất ông Ấn, 01 cây giữa là đất giáp ranh giữa đất ông Ấn và ông Bánh để ông Ấn ăn quả cũng là bờ rào giáp ranh giữa hai mảnh đất hai nhà. Lúc còn sống các cụ vẫn canh tác đất của mình không có việc xê dịch bờ rào, giữa ranh giới còn có 01 cây Mắc bát to, hiện nay đã không còn. Xuôi lên bên phải cạnh đường vào gốc tre của ông Ấn mà hiện nay ông B đang tiếp quản. Phía cạnh cổng ra vào của ông Bánh mà hiện nay Bé Hồng A đang tiếp quản có 01 khóm Mai to cả làng đi lại đều biết. Khóm Mai này do vợ của ông Bánh trồng, thời Hợp tác xã còn thường xuyên buộc trâu mỗi hôm đi bữa ruộng về. Hiện nay, bờ rào các cọc ranh giới nhà ông B đã nhỏ đi, không còn nguyên vẹn, phía trên cạnh đường cũng rào qua khóm Mai mà trước kia bà Lương Thị Ới vợ ông Bánh trồng. Khi ông Bánh còn sống, địa chính đã đo đạc từng thửa đất của từng hộ gia đình, có bản đồ, diện tích rõ ràng cho đến nay.

Ông Hoàng Trường G là hàng xóm của bà Bé Hồng A và ông Bé Nhật B, ông là Chủ tịch mặt trận của xóm nên việc tranh chấp đất đai giữa bà A và ông B ông có được tham gia hòa giải tại xóm. Nguồn gốc diện tích đất bà A và ông B tranh chấp là đất thổ cư, do ông cha để lại, trước kia còn có bụi tre Mai sát lề đường phía dưới chỗ rào hiện tại. Ở phía trong còn có cây mít sát ngoài ranh giới của hai gia đình (cây mít này đã đào gốc). Trước đây diện tích đất này là của ông Bé Nhật Bánh và bà Ới là vợ của ông Bánh canh tác trước năm 1960. Còn phần đất ông B là của ông Bé Nhật Ấn (bố ông B) canh tác và sử dụng từ trước năm 1960. Việc cây cối và cọc rào của gia đình bà A bị phá ông G biết, nhưng thời gian thì không rõ. Còn người phá là hai vợ chồng nhà ông B thuê máy mức, mức cây cối và tre, rồi san lấp là đất canh tác cho gia đình ông B. Khi giải quyết ở xóm, ông G hỏi ông B là gốc cây Xoan của ai thì ông B trả lời là của bà A. Ông khẳng định việc ông B rào lưới sắt B40 vượt qua gốc cây xoan của bà A là sai.

Ông Bé Nhật Hoan là anh trai ông Bé Nhật Vương, bố của bà A và là hàng xóm của ông B. Về nguồn gốc đất tranh chấp, ông Hoan xác nhận trước đây bố đẻ ông để lại cho em trai ông là Bé Nhật Vương, bố đẻ của Bé Hồng A. Trước đây ông và ông B đã thỏa thuận cắm cọc bê tông làm ranh giới hai thửa đất của ông Vương và ông B, cột đầu tiên sát đường giao thông nông thôn. Hiện nay, nguyên đơn, bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông không có thỏa thuận nào khác với ông B, ông không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp giữa bà A và ông B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đinh Thị Hà trình bày:

Bà Bé Hồng A yêu cầu Tòa án xác định ranh giới Quyền sử dụng đất của bà Bé Hồng A và ông Bé Nhật B, buộc gia đình ông Bé Nhật B trả lại diện tích đất gia đình ông Bé Nhật B đã lấn chiếm sang phần đất của gia đình bà Bé Hồng A, với lý do: Bà Bé Hồng A được thừa hưởng diện tích đất hiện nay đang tranh chấp từ bố đẻ, còn bố đẻ bà A được thừa hưởng từ ông nội bà A. Từ khi được tặng cho Quyền sử dụng đất bà A vẫn sử dụng đúng ranh giới thửa đất 144, không có sự thay đổi về hiện trạng. Tuy nhiên, đến tháng 01/2022 gia đình ông B thuê máy xúc san gạt phần đất của ông B có mức gốc cây, san sang phần đất của bà A và dùng lưới sắt B40 rào lên phần đất của bà A. Sau khi hai bên thỏa thuận không thành, bà A đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định đúng ranh giới thửa đất của bà, nếu ông B có lấn chiếm vào thửa đất của bà thì buộc ông B trả lại đất cho bà. Căn cứ kết quả thẩm định, kết quả đo đạc ngày 27/6/2022 bà A yêu cầu ông B trả lại 39,3m² nằm trong thửa đất số 144, tờ bản đồ số 31 F-48-45-296-(d-1), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bé Hồng A. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quá trình quản lý và sử dụng đất buộc ông B trả lại cho bà A 39,3m² đất đã lấn chiếm, phần 6,6 m² không lấn chiếm bà A không yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 176, Điều 177 Bộ Luật dân sự; Điều 12, khoản 1 Điều 125, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Hồng A về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với ông Bé Nhật B.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 144, tờ bản đồ số 01690-31 do bà Bé Hồng A đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất 145^A, tờ bản đồ số 296-d-I do ông Bé Nhật B đứng tên quyền sử dụng đất là:

Nối các điểm từ A đến điểm đầu tiên thửa đất của ông Bé Nhật B đến cột số 5 đến điểm cuối thửa đất của ông Bé Nhật B thành các đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 144, tờ bản đồ số 01690-31 do bà Bé Hồng A đứng tên quyền sử dụng đất và thửa đất 145^A, tờ bản đồ số 296-d-I do ông Bé Nhật B đứng tên quyền sử dụng đất.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

3. Công nhận bà Bé Hồng A được quyền sử dụng diện tích 39,3m² (Từ điểm A đến điểm đầu tiên của thửa 145^A đến cột số 5 đến điểm cuối cùng của thửa 145^A) đất trồng cây hàng năm.

Buộc ông Bé Nhật B dỡ tường rào B40 từ điểm A đến B dài 25,42m và trả lại 39,3m² đã lấn chiếm thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 01690-31 cho bà Bé Hồng A.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2022, bị đơn Bé Nhật B có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX đi xem xét thẩm định lại và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp luật sư Đinh Thị Hà giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông Bé Nhật B không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem

xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Bé Nhật B

Nội dung kháng cáo: Ông Bé Nhật B và người đại diện theo ủy quyền Bé Nhật C đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại phần đất có tranh chấp đã được đo đạc tại buổi xem xét thẩm định ngày 27/6/2022, đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, Phần đất tranh chấp nằm giáp ranh giữa hai thửa đất là thửa đất 144, tờ bản đồ số 01690-31 được UBND huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Bé Nhật Vương bố đẻ của bà A vào năm 1999, đến năm 2020 cấp lại cho bà Bé Hồng A diện tích 2.780,1m²; và thửa 145^A, tờ bản đồ số 296-d-I được UBND huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận cho ông Bé Nhật B vào năm 1999 với diện tích 1.870m² hiện ông Bé Nhật B đang quản lý. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa An và Phòng tài nguyên môi trường huyện xác định việc cấp GCNQSDĐ cho bà A ông B là đúng quy định của pháp luật. Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2022 và Sơ đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 27/6/2022 của Trung tâm kỹ thuật, tài nguyên môi trường tỉnh Cao Bằng thể hiện phần đất bà A yêu cầu xác định ranh giới từ cột bê tông đầu tiên sát đường giao thông xóm kí hiệu là A và cắm cọc tre theo thứ tự từ 1 đến 8 theo các cột bê tông cũ ông B đã nhổ lên, cọc tre số 8 trùng với cột bê tông phía trong cùng kí hiệu là B; ông B chỉ ranh giới tranh chấp từ cột bê tông A đến cột bê tông B, hiện nay ông đã rào lưới B40 từ cột A thẳng đến cột B. Kết quả đo đạc phần đất tranh chấp là 41,2m². Tại phiên tòa bà A chỉ yêu cầu đối với phần diện tích 39,3m² nằm trong phần đất mà bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đối với phần 6,6m² không nằm trong phần đất của bà A mà nằm trong phần đất của ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà A không yêu cầu giải quyết. Do đó yêu cầu này của bà A được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Thứ hai, lời khai của ông B về vị trí mốc giới giáp ranh giữa hai thửa đất có mâu thuẫn với ông Bé Nhật Hoan. Ông B cho rằng: giữa ông và ông Bé Nhật Hoan bác của bà Bé Hồng A đã có thỏa thuận ranh giới giữa hai thửa đất từ năm 1993, việc thỏa thuận này ông Vương không biết, lúc thỏa thuận ranh giới do còn nhiều cây cối um tùm rậm rạp ông và ông Hoan thống nhất ranh giới từ cột bê tông đầu tiên sát đường giao thông xóm đến gốc cây mít phía trong, ông Hoan

cắm cọc bê tông theo hình vòng cung theo thửa đất của ông chứ không phải đường thẳng, cột trong cùng sát gốc cây mít. Hiện nay, cây xoan đã chặt đi nên ông lấy lưới B40 rào thẳng từ cột bê tông đầu tiên vượt qua gốc xoan đến gốc cây mít. Ông sử dụng đúng thửa đất như đã thỏa thuận không hề lấn chiếm thửa đất của bà A. Tuy nhiên ông Hoan lại cho rằng không có sự thỏa thuận với ông B về ranh giới đất vào năm 1993. Mặt khác trong quá trình làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ năm 1999 thì phần đất tranh chấp không nằm trong GCN của ông B mà lại thuộc ông Bé Nhật Vương (bố của bà A).

Như vậy, Từ những phân tích nhận định trên HĐXX phúc thẩm thấy rằng Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà A được quyền quản lý sử dụng 39,3m² đất tranh chấp là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Bé Nhật B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại phần đất tranh chấp, xem xét lại bản án sơ thẩm nhưng không có căn cứ tài liệu bổ sung bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bé Nhật B. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

Ông Bé Nhật B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận ông B đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003630 ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Hòa An;
- TAND huyện Hòa An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như